



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 17

Ngày 01 tháng 4 năm 2013

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

01-3-2013 - Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐND kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/2012/QH13 của Quốc hội và Nghị quyết số 561/2013/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. 4

01-3-2013 - Nghị quyết số 02/2013/NQ-HĐND về kết thúc thu phí hoàn vốn dự án chuyển nhượng quyền thu phí đường Điện Biên Phủ và đường Kinh Dương Vương, tiến hành thu phí hoàn vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc mới trên xa lộ Hà Nội. 7

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

08-3-2013 - Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 9

11-3-2013 - Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	21
20-3-2013 - Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND về thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại các cơ sở chữa bệnh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý.	25
20-3-2013 - Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về khuyến khích chuyên dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015.	28
20-3-2013 - Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND về bãi bỏ văn bản.	47

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

28-02-2013 - Chỉ thị số 01/2013/CT-UBND về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Quận năm 2013.	49
--	----

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

14-3-2013 - Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành.	55
--	----

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

28-02-2013 - Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân công thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú quản lý.	57
--	----

---

---

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 06-3-2013 - Quyết định số 1096/QĐ-UBND về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 64
- 08-3-2013 - Quyết định số 1145/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch tiếp tục triển khai Đề án 1928 “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2016. 75
- 11-3-2013 - Quyết định số 1193/QĐ-UBND về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 86

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2013*

### NGHỊ QUYẾT

**Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/2012/QH13 của Quốc hội  
và Nghị quyết số 561/2013/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội  
về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ  
do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM  
(ngày 01 tháng 3 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Xét Tờ trình số 99/TTr-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/2012/QH13 của Quốc hội và Nghị quyết số 561/2013/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Để thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân xã, thị trấn bầu, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất kế hoạch về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân xã, thị trấn bầu như sau:

1. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; thời điểm tổ chức lấy phiếu tín nhiệm; nội dung báo cáo và trách nhiệm giải trình của người được lấy phiếu tín nhiệm; xác minh, trả lời những vấn đề đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu; mẫu phiếu; kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu; nghị quyết về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm; xử lý kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm; trình tự thủ tục từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đề nghị, kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng ban Hội đồng nhân dân.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Ủy viên của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Hội đồng nhân dân xã, thị trấn thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, thị trấn.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Ủy viên của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

3. Lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện định kỳ tại kỳ họp thường lệ đầu tiên hàng năm của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kể từ năm 2013 của nhiệm kỳ 2011 - 2016 và Hội đồng nhân dân xã, thị trấn kể từ năm 2013 của nhiệm kỳ.

**Điều 2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức, điều hòa, phối hợp hoạt động với các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện kế hoạch về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân xã, thị trấn bầu.

**Điều 3.** Tại kỳ họp cuối năm, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo đánh giá thực hiện kế hoạch về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân xã, thị trấn bầu.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2013./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Quyết Tâm**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2013/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2013*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về kết thúc thu phí hoàn vốn dự án chuyển nhượng quyền thu phí  
đường Điện Biên Phủ và đường Kinh Dương Vương, tiến hành thu phí  
hoàn vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc mới trên xa lộ Hà Nội**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM (ngày 01 tháng 3 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 842/TTr-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về kết thúc thu phí hoàn vốn dự án chuyển nhượng quyền thu phí đường Điện Biên Phủ và Kinh Dương Vương, tiến hành thu phí hoàn vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc mới trên xa lộ Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 98/BC-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua chủ trương kết thúc thu phí hoàn vốn dự án chuyển nhượng quyền thu phí đường Điện Biên Phủ và đường Kinh Dương Vương, tiến hành thu phí hoàn vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc mới trên xa lộ Hà Nội như nội dung Tờ trình số 842/TTr-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để triển khai thực hiện chủ trương đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2013./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Quyết Tâm**



**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 575/SLĐT BXH-PCTNXH ngày 04 tháng 7 năm 2012, Công văn số 23/LĐT BXH-CV ngày 24 tháng 02 năm 2013 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 124/STP-VB ngày 09 tháng 01 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 114/2004/QĐ-UB ngày 23 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý và giúp đỡ học viên cai nghiện ma túy và người sau cai nghiện hồi gia và những quy định trước đây trái với Quy định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và phường, xã, thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND  
ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Bản Quy định này quy định việc quản lý và giúp đỡ người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú ở các phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2. Đối tượng điều chỉnh**

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú là người đã chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, không thuộc đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao theo quy định tại Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú là việc các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân quận, huyện và phường, xã, thị trấn tổ chức quản lý, giáo dục, hướng dẫn, giúp đỡ người sau cai nghiện phòng, chống tái nghiện; hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng cho người sau cai nghiện tại nơi cư trú.

2. Nơi cư trú của người sau cai nghiện là chỗ ở hợp pháp mà người sau cai

nghiện thường xuyên sinh sống. Nơi cư trú của người sau cai nghiện là nơi thường trú hoặc tạm trú.

3. Người sau cai nghiện tái nghiện là tình trạng người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú mà vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy.

4. Xác nhận hết thời hạn quản lý sau cai nghiện là việc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn sau khi xem xét, đánh giá kết quả người sau cai nghiện hoàn thành quá trình quản lý sau cai nghiện để cấp “Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú”.

#### **Điều 4. Nguyên tắc quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú**

1. Người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú chịu sự quản lý, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phân công trong thời gian từ 01 (một) đến 02 (hai) năm kể từ ngày người đó được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép trở về cộng đồng sau khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh.

2. Người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân trong thời gian chịu sự quản lý tại địa phương và phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Quy định này.

3. Gia đình, các cơ quan, đoàn thể tại địa phương, các doanh nghiệp, trường học và cá nhân có trách nhiệm quản lý và giúp đỡ người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người sau cai nghiện.

#### **Điều 5. Kinh phí cho công tác quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú**

Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú gồm: ngân sách Nhà nước; đóng góp của cá nhân hoặc gia đình người sau cai nghiện; nguồn tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn thu hợp pháp khác.

### **Chương II**

#### **QUẢN LÝ NGƯỜI SAU CAI NGHIỆN TẠI NƠI CƯ TRÚ**

#### **Điều 6. Nội dung quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú**

1. Theo dõi, giám sát, hướng dẫn người sau cai nghiện cách ly môi trường ma túy; tư vấn, giúp đỡ cho họ tham gia các loại hình sinh hoạt câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào hoạt động xã hội tại địa phương nhằm xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư, xây dựng khu dân cư không còn tệ nạn ma túy.

2. Quản lý về tạm vắng, tạm trú đối với người sau cai nghiện.

3. Tùy thuộc vào tình hình điều kiện của mỗi địa phương, giải quyết cho người sau cai nghiện học văn hóa, học nghề, giải quyết việc làm, xét trợ cấp xóa đói giảm nghèo, xét cho vay vốn giải quyết việc làm.

4. Hàng tháng, tổ chức họp kiểm điểm, nhận xét quá trình phấn đấu, rèn luyện của người sau cai nghiện. Yêu cầu người sau cai nghiện chấp hành việc xét nghiệm về ma túy khi cần thiết và lập hồ sơ xử lý đưa trở lại cơ sở chữa bệnh theo quy định pháp luật nếu phát hiện họ tái sử dụng chất ma túy.

5. Tổ chức cho người sau cai nghiện quản lý tại nơi cư trú học tập các chuyên đề về rèn luyện nhân cách, kỹ năng tái hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện, phòng, chống HIV/AIDS định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong suốt thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

#### **Điều 7. Quyền lợi của người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú**

1. Đăng ký lại hộ khẩu thường trú đối với những trường hợp đã bị xóa hộ khẩu khi vào cơ sở chữa bệnh.

2. Tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ, đội nhóm của các tổ chức, đoàn thể phù hợp với lứa tuổi, giới tính và các phong trào hoạt động xã hội tại địa phương.

3. Được hỗ trợ học văn hóa, học nghề; được giải quyết việc làm hoặc xét cho vay vốn tạo việc làm từ nguồn vốn của địa phương và các Quỹ xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành phố hoặc vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội nếu đủ điều kiện xét duyệt.

4. Được xem xét, giải quyết giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Nghĩa vụ của người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú**

Trong thời gian chịu sự quản lý tại địa phương, người sau cai nghiện phải thực hiện các nghĩa vụ sau :

1. Trình diện tại Công an phường, xã, thị trấn nơi cư trú: Trong thời hạn là 05

(năm) ngày làm việc, kể từ ngày trở về nơi cư trú, người sau cai nghiện được quản lý tại nơi cư trú đến trình diện tại Công an phường, xã, thị trấn nơi mình cư trú.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và tuân thủ các quy định của chính quyền địa phương, khu phố.

3. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt của tổ dân phố, khu phố, câu lạc bộ, đội nhóm và các hoạt động mà người sau cai nghiện được chính quyền địa phương phân công tham gia.

4. Rèn luyện nhân cách, đạo đức, điều chỉnh hành vi, kiên quyết từ bỏ các chất ma túy, không tiếp xúc với các thành phần có liên quan đến tệ nạn ma túy; tham gia đầy đủ các buổi học tập chuyên đề về rèn luyện nhân cách, kỹ năng tái hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện, phòng, chống HIV/AIDS định kỳ trong suốt thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú do chính quyền địa phương tổ chức.

5. Chịu sự quản lý, giám sát của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và tổ chức, cá nhân được phân công tham gia quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện trong suốt thời gian quản lý sau cai nghiện. Hàng tháng tham dự buổi họp kiểm điểm, nhận xét, đánh giá quá trình phấn đấu, rèn luyện của người sau cai nghiện do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức.

6. Tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn hóa mới tại khu dân cư, xây dựng khu phố, phường, xã, thị trấn không còn tệ nạn ma túy.

7. Chấp hành xét nghiệm về ma túy khi có yêu cầu của cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

8. Chấp hành những quy định về đi lại, thay đổi nơi cư trú theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ

### **Điều 9. Trách nhiệm của gia đình trong việc quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú**

Chủ hộ và người thân trong gia đình có trách nhiệm trực tiếp quản lý và giúp đỡ người sau cai nghiện tại nơi cư trú:

1. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để người sau cai nghiện được học tập, học văn hóa, học nghề, làm việc và tham gia sinh hoạt tại địa phương;

2. Trực tiếp quản lý, kiểm soát người sau cai nghiện không để tái nghiện, không phân biệt đối xử họ với các thành viên khác trong gia đình;

3. Chấp hành chỉ đạo của chính quyền địa phương; hỗ trợ các ban, ngành, đoàn thể trong việc quản lý và giúp đỡ, tạo điều kiện cho người sau cai nghiện hòa nhập xã hội;

4. Khi phát hiện người sau cai nghiện tái nghiện hoặc tiếp xúc với các thành phần xấu có liên quan đến tệ nạn ma túy thì phải báo ngay với Công an phường, xã, thị trấn.

### **Điều 10. Hết thời hạn quản lý sau cai nghiện**

1. Khi hết thời hạn quản lý sau cai nghiện, người sau cai nghiện phải làm bản kiểm điểm về quá trình học tập, rèn luyện của bản thân. Bản kiểm điểm này được cá nhân, tổ chức được phân công quản lý người sau cai nghiện, Công an phường, xã, thị trấn đánh giá và xác nhận mức độ tiến bộ sau khi tổ chức xét nghiệm ma túy đột xuất 02 lần có kết quả âm tính (đính kèm biên bản).

2. Trên cơ sở bản kiểm điểm, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nhận xét, đánh giá và cấp “Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú” và đưa ra khỏi danh sách quản lý.

## **Chương III** **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN** **TRONG THỰC HIỆN QUY ĐỊNH**

### **Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn trong việc tổ chức quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các đoàn thể phân công Tổ cán sự xã hội tình nguyện, huy động cộng đồng dân cư tham gia quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện theo nội dung tại Điều 6 và Điều 7 của Quy định này.

2. Cán bộ phụ trách quản lý người sau cai nghiện, Công an, Y tế phường, xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, tư vấn, giúp đỡ người sau cai nghiện cách ly môi trường ma túy, khám, chữa bệnh, phòng, chống tái nghiện và xét nghiệm ma túy khi cần thiết.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện**

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp nhận, quản lý và giúp đỡ tạo điều kiện cho người sau cai nghiện được học tập, ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng xã hội, tránh nguy cơ tái sử dụng chất ma túy.

2. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chức năng địa phương giải quyết các vấn đề liên quan đến hộ tịch, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng người sau cai nghiện; tổ chức các buổi học tập chuyên đề về rèn luyện nhân cách, kỹ năng tái hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện, phòng, chống HIV/AIDS định kỳ đối với người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy được quản lý tại nơi cư trú.

4. Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hàng tháng báo cáo kết quả quản lý và giúp đỡ người sau cai nghiện thuộc địa bàn mình quản lý gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Chủ trì, phối hợp các Sở - ngành, đoàn thể thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện tạo điều kiện cho người sau cai nghiện được học văn hóa, học nghề, làm việc, hưởng các quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ của công dân; tạo điều kiện cho người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng, hòa nhập xã hội .

2. Phân công cơ quan chuyên môn hỗ trợ Ủy ban nhân dân quận, huyện và phường, xã, thị trấn trong công tác quản lý, giáo dục người sau cai nghiện; chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Ủy ban Phòng, chống AIDS thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng và ban hành chương trình giáo dục các chuyên đề về rèn luyện nhân cách, kỹ năng tái hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện, phòng, chống HIV/AIDS đối với người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

3. Liên hệ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố khác trong việc đưa người sau cai nghiện được quản lý tại nơi cư trú ở tỉnh, thành phố khác về quản lý tại địa phương.

4. Tổng hợp báo cáo và đánh giá kết quả việc thực hiện Quy định này, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Y tế**



Chỉ đạo Phòng Y tế, Bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng quận, huyện và Trạm Y tế phường, xã, thị trấn giúp đỡ, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý người sau cai nghiện trong việc kiểm tra, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, phòng, chống HIV/AIDS cho người sau cai nghiện được quản lý tại nơi cư trú.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Chỉ đạo Ban Giám hiệu các trường học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi tiếp nhận người sau cai nghiện học tập.

2. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Ủy ban Phòng, chống AIDS thành phố xây dựng chương trình giáo dục các chuyên đề về rèn luyện nhân cách, kỹ năng tái hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện, phòng, chống HIV/AIDS đối với người sau cai nghiện được quản lý tại nơi cư trú.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Công an thành phố**

1. Chỉ đạo Công an quận, huyện và phường, xã, thị trấn kiên quyết đấu tranh chuyển hóa làm trong sạch địa bàn không còn ma túy, tạo điều kiện giúp đỡ người sau cai nghiện không tái nghiện.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Công an quận, huyện xét nhập lại hộ khẩu cho người sau cai nghiện theo quy định hiện hành đối với những trường hợp đã bị xóa hộ khẩu khi đưa vào cơ sở chữa bệnh; tăng cường công tác quản lý tạm trú, tạm vắng, đi lại, thay đổi nơi cư trú đối với người sau cai nghiện.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn Công an quận, huyện và phường, xã, thị trấn thực hiện tốt các biện pháp quản lý và giúp đỡ người sau cai nghiện, lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện họ tái sử dụng chất ma túy hoặc có hành vi liên quan đến tệ nạn ma túy.

### **Điều 17. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Phối hợp tuyên truyền các quy định pháp luật về phòng, chống ma túy, quản lý người sau cai nghiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng, qua các buổi báo cáo chuyên đề, hội thi văn nghệ, thông tin triển lãm.

2. Phối hợp với các Sở - ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn kết với phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và xây dựng phường, xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm

nhằm tạo môi trường xã hội lành mạnh, thực hiện hiệu quả công tác quản lý người sau cai nghiện tại nơi cư trú.

### **Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện đúng pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trong việc đảm bảo kinh phí cho công tác quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo quy định. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

### **Điều 20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên phối hợp với chính quyền địa phương**

1. Tổ chức các câu lạc bộ, đội nhóm hoạt động tư vấn, tuyên truyền tại cộng đồng về phòng, chống tệ nạn ma túy, giáo dục, giúp đỡ người sau cai nghiện được quản lý tại nơi cư trú và tạo điều kiện cho người sau cai nghiện được tham gia sinh hoạt vào các tổ chức, câu lạc bộ, đội nhóm công tác xã hội tại địa phương.

2. Tư vấn cho người sau cai nghiện và gia đình lựa chọn công việc làm ăn, giúp đỡ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, giúp vay các nguồn vốn tín dụng xã hội.

3. Tuyên truyền về tác hại của ma túy, xóa bỏ định kiến đối với người sau cai nghiện.

4. Vận động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các đơn vị, trường học tiếp nhận người sau cai nghiện vào làm việc, học tập.

5. Giám sát các Sở - ngành, chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện việc quản lý, theo dõi và giúp đỡ người sau cai nghiện tại địa phương.

### **Điều 21. Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các đơn vị, trường học tiếp nhận người sau cai nghiện quản lý tại nơi cư trú vào làm việc, học tập**

1. Khuyến khích các doanh nghiệp, đơn vị tiếp nhận, ký hợp đồng lao động, bố trí việc làm cho người được quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

2. Ban Giám hiệu nhà trường tiếp nhận và bố trí lớp học cho người sau cai nghiện nguyên là sinh viên, học sinh của nhà trường theo Thông tư số 31/2009/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định

về công tác phòng, chống tệ nạn ma túy tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Trong thời gian người sau cai nghiện làm việc, học tập nếu phát hiện họ tái sử dụng chất ma túy, người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị hoặc Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm thông báo ngay cho Công an phường, xã, thị trấn và gia đình của họ biết để có biện pháp xử lý.

## **Chương IV**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 22. Khen thưởng**

1. Cá nhân, tổ chức, cơ quan, đoàn thể có thành tích trong việc quản lý, theo dõi, giúp đỡ người sau cai nghiện tại nơi cư trú ổn định cuộc sống, phòng, chống tái nghiện thì được xét khen thưởng theo quy định Nhà nước.

2. Người sau cai nghiện chấp hành tốt thời gian quản lý, theo dõi tại địa phương và có thành tích tốt trong lao động, học tập được xét khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

3. Gia đình người sau cai nghiện có thành tích trong quản lý, giáo dục người sau cai nghiện trở thành công dân tốt được biểu dương trước khu phố, tổ dân phố.

#### **Điều 23. Xử lý vi phạm**

1. Cá nhân, tổ chức, cơ quan, đoàn thể có trách nhiệm trong việc quản lý và giúp đỡ người sau cai nghiện không thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, vi phạm các quy định trong Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm mà cá nhân, người đứng đầu và người có trách nhiệm của tổ chức, cơ quan, đoàn thể sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp gia đình có hành vi che giấu, giúp đỡ người sau cai nghiện tái nghiện, vi phạm pháp luật thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại cho Nhà nước hoặc người dân thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người sau cai nghiện không chấp hành tốt sự quản lý tại địa phương, có hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 24.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này. Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và những đề xuất của chính quyền địa phương, tổ chức, cơ quan quản lý, giáo dục người sau cai nghiện tại nơi cư trú để nghiên cứu và đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc bổ sung, sửa đổi bản Quy định này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2013/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ nội dung kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo số 119/TB-VP ngày 25 tháng 02 năm 2013 về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 9975/TTr-LS-STC-SNNPTNT, ngày 16 tháng 10 năm 2012 về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay điều chỉnh đơn giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

<b>Đối tượng sử dụng nước</b>	<b>Đơn giá nước (đồng/m<sup>3</sup>)</b>
Các hộ dân cư:	
- Đến 4 m <sup>3</sup> /người/tháng	3.300
- Trên 4 m <sup>3</sup> đến 6 m <sup>3</sup> /người/tháng	5.200
- Trên 6 m <sup>3</sup> /người/tháng	7.000
Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể	5.200
Đơn vị sản xuất	6.600
Đơn vị kinh doanh - dịch vụ	9.400

**Điều 2. Quy định đối tượng sử dụng nước****1. Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt:**

- Hộ gia đình là các hộ dân sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.
- Các cơ sở xã hội, cơ sở chữa bệnh - cai nghiện thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.

Định mức nước sinh hoạt được xác định trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú dài hạn căn cứ theo sổ hộ khẩu thường trú và sổ tạm trú. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký định mức tại một thuê bao đồng hồ nước. Trường hợp nhiều hộ gia đình sử dụng chung một đồng hồ nước (địa chỉ trong hộ khẩu thường trú khác với địa chỉ đặt đồng hồ nước) thì tính định mức các nhân khẩu sử dụng chung cho khách hàng đứng tên thuê bao đồng hồ nước.

Trường hợp người nhập cư, sinh viên và người lao động thuê nhà để ở (có thời hạn thuê từ 12 tháng trở lên, căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của địa phương) được tính định mức theo số nhân khẩu như trên.

**2. Đối tượng sử dụng nước không sinh hoạt:**

a) Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể, bao gồm:

- Các đơn vị lực lượng vũ trang, công an, phòng cháy và chữa cháy.

- Bệnh viện, trường học.
- Các cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo.
- Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

b) Đơn vị sản xuất, bao gồm:

- Các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công.
- Các cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu.
- Nước phục vụ các công trình xây dựng.
- Nước sử dụng cho các hoạt động sản xuất khác.

c) Đơn vị kinh doanh - dịch vụ, bao gồm:

- Các nhà máy, cơ sở sản xuất: nước đá, kem, nước giải khát.
- Các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, các điểm kinh doanh ăn uống, giải khát.
- Các cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt ủi, các khu vui chơi giải trí.
- Các khu thương mại - dịch vụ, chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại.
- Các dịch vụ cấp nước cho ghe, tàu, thuyền.
- Các hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.

d) Đối với các đối tượng sử dụng nước phức hợp bao gồm các đối tượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh - dịch vụ:

Doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các mục đích khác nhau.

### **3. Đối tượng mua sỉ nước sạch:**

Đối tượng mua sỉ nước sạch là những khách hàng có hệ thống ống nội bộ, mua sỉ nước sạch phân phối lại cho các đối tượng sử dụng nước khác trong hệ thống ống nội bộ, cụ thể như sau:

- Đối tượng sinh hoạt: các khu dân cư, chung cư, cư xá, ký túc xá, khu lưu trú công nhân.

- Đối tượng sản xuất: các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

- Đối tượng kinh doanh - dịch vụ: các khu thương mại, dịch vụ, khu chợ đầu mối.

a) Đối với đối tượng mua sỉ nước sạch, giảm 10% đơn giá nước quy định tại Điều 1 Quyết định này.

b) Đối với các khách hàng mua sỉ nước sạch phân phối lại cho các đối tượng sử dụng nước phức hợp (bao gồm các đối tượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh - dịch vụ) thì doanh nghiệp cấp nước cùng với khách hàng xác định tỷ lệ nước sử dụng cho các mục đích khác nhau.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2013 và thay thế Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, quận 8, quận 9, quận 12, quận Thủ Đức, quận Bình Tân, quận Tân Phú, huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, Giám đốc Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn và các đối tượng sử dụng nước khu vực nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2013/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại các cơ sở chữa bệnh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét Tờ trình số 11533/TTrLS-SLĐTBXH-STC ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính; Công văn số 2355/LĐTBXH-KH ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 391/STP-VB ngày 28 tháng 01 năm 2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay áp dụng mức hỗ trợ tối thiểu cho đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại các cơ sở chữa bệnh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý, cụ thể như sau:

### 1. Hỗ trợ tiền ăn:

a) Hỗ trợ toàn bộ tiền ăn mức 30.000 đồng/người/ngày (bình quân 900.000 đồng/người/tháng) đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh trong thời gian chấp hành quyết định đối với các trường hợp sau đây:

- Người thuộc hộ nghèo;
- Người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- Người chưa thành niên;
- Người bị nhiễm HIV/AIDS;
- Người không có nơi cư trú nhất định.

b) Hỗ trợ tiền ăn mức 15.000 đồng/người/ngày (bình quân 450.000 đồng/người/tháng) đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh không thuộc các trường hợp nêu trên và đối tượng đang lưu trú tạm thời tại Trung tâm Tiếp nhận đối tượng xã hội Bình Triệu.

### 2. Mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết:

Hỗ trợ mức 400.000 đồng/người/năm hoặc một lần chấp hành quyết định đối với đối tượng thời gian chấp hành quyết định dưới 01 năm.

### 3. Chi phí học nghề:

Người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, nếu chưa qua đào tạo nghề và có nhu cầu học nghề thì được hỗ trợ kinh phí học nghề trình độ sơ cấp với mức là 2.000.000 đồng/người/khóa học; không hỗ trợ tiền học nghề cho những đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh từ lần thứ hai trở đi.

### 4. Chi phí hoạt động văn thể:

Hỗ trợ mức 50.000 đồng/người/năm hoặc một lần chấp hành quyết định đối với đối tượng thời gian chấp hành quyết định dưới 01 năm.

### 5. Tiền vệ sinh phụ nữ:

Hỗ trợ 20.000 đồng/người/tháng;

### 6. Tiền ăn đường, tiền tàu xe:

Người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh sau khi chấp hành xong quyết định được trở về cộng đồng; trường hợp gia đình có hoàn cảnh khó khăn hoặc

bản thân không có thu nhập từ kết quả lao động tại Trung tâm và địa chỉ đã được xác định rõ ràng thì khi trở về nơi cư trú được trợ cấp các khoản sau:

- Tiền ăn là 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 05 ngày;

- Tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

**Điều 2.** Thời gian thực hiện việc điều chỉnh các chế độ hỗ trợ đối với đối tượng cai nghiện ma túy trong cơ sở chữa bệnh nêu trên cụ thể như sau:

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn, tiền mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết, tiền ăn đường trở về cộng đồng áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2012;

- Kinh phí hỗ trợ học nghề áp dụng từ ngày 01 tháng 5 năm 2012.

**Điều 3.** Giao Sở Tài chính thành phố chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định đối với đối tượng cai nghiện ma túy và người bán dâm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều 1 Quyết định số 87/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 và nội dung về vận dụng chế độ hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH cho đối tượng mại dâm và cai nghiện ma túy tại Công văn số 1293/UBND-VX ngày 25 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2013/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu  
nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 287/TTr-SNN.PTNT ngày 27 tháng 02 năm 2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành “Quy định khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015”,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015 và các phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Mục đích khuyến khích**

Việc ban hành Quy định này nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị thành phố theo hướng hiện đại, phát triển hiệu quả và bền vững; góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại.

#### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn sử dụng nguyên vật liệu từ nông nghiệp, sơ chế, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thời gian hưởng quy định được áp dụng từ ngày phương án đầu tư được tổ chức cho vay giải ngân vốn vay (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt phương án đầu tư) đến hết ngày thực hiện phương án. Trong thời gian 3 tháng, nếu chủ đầu tư của các phương án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng không thực hiện đầu tư thì không được hỗ trợ lãi vay theo Quy định này.

3. Quy định này hỗ trợ lãi vay cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Quy định này khi được tổ chức cho vay đồng ý cấp tín dụng đối với các phương án sản xuất khả thi.

#### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

1. Các doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, các hộ gia đình, chủ trang trại, cá nhân (sau đây gọi là chủ đầu tư) trực tiếp sử dụng đất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên địa bàn thành phố và có phương án, dự án (sau đây gọi tắt là phương án) để đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn không gây ô nhiễm môi trường và phù hợp với mục tiêu phát triển nông nghiệp đô thị của thành phố.

2. Các chủ đầu tư ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố và có phương án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu hoặc có phương án khả thi tổ chức sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp phù hợp với mục tiêu và danh mục khuyến khích của chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị của thành phố.

3. Các chủ đầu tư sản xuất giống phù hợp với mục tiêu của chương trình giống cây, con chất lượng cao của thành phố.

4. Các chủ đầu tư đã được hưởng các cơ chế hỗ trợ lãi vay khác không thuộc đối tượng áp dụng của Quy định này, trừ các trường hợp được quy định cụ thể trong Quy định này.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2013 - 2015**

#### **Điều 4. Mức vay và lãi suất để tính hỗ trợ lãi vay**

1. Mức vay được hỗ trợ lãi vay: theo quy mô đầu tư của phương án và quy định của tổ chức cho vay.

2. Lãi suất để tính hỗ trợ lãi vay: là lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố, gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh công bố hàng tháng (loại trả lãi sau) cộng thêm 2%/năm. Lãi suất này do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thông báo hàng tháng theo quy định.

3. Mức lãi suất hỗ trợ lãi vay được quy định cụ thể cho từng đối tượng theo Quy định này. Trong trường hợp lãi suất cho vay nhỏ hơn lãi suất hỗ trợ theo quy định thì mức lãi suất hỗ trợ được tính tối đa bằng lãi suất cho vay.

**Điều 5. Đầu tư xây dựng cơ bản, mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp; sản xuất giống; sản xuất nông nghiệp tốt và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được cấp chứng nhận**

1. Mức hỗ trợ lãi vay:

- a) Ngân sách thành phố hỗ trợ 100% lãi suất theo Khoản 2 Điều 4 Quy định này.
- b) Hộ nghèo nếu vay từ Quỹ xóa đói giảm nghèo của thành phố được Ngân sách thành phố hỗ trợ lãi suất 4%/năm.

2. Thời hạn hỗ trợ lãi vay: theo chu kỳ sản xuất của phương án được duyệt, nhưng không vượt quá 05 năm trên một phương án.

**Điều 6. Đầu tư mua giống, vật tư, thức ăn, nhiên liệu và trả công lao động sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn hoặc ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, ngành nghề nông thôn**

1. Mức hỗ trợ lãi vay:

a) Đầu tư sản xuất hoa lan, cây kiểng, cá cảnh hoặc nuôi trồng thủy sản khai thác hiệu quả nguồn nước kênh Đông: ngân sách thành phố hỗ trợ 80% lãi suất theo Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

b) Đầu tư sản xuất các loại cây trồng vật nuôi khác theo quy hoạch; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; mua nguyên nhiên vật liệu phát triển ngành nghề nông thôn: ngân sách thành phố hỗ trợ 60% lãi suất theo Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

c) Hộ nghèo được ngân sách hỗ trợ 100% lãi suất theo Khoản 2 Điều 4 Quy định này. Nếu hộ nghèo vay từ Quỹ xóa đói giảm nghèo của thành phố, ngân sách thành phố hỗ trợ lãi suất 4%/năm.

2. Thời hạn hỗ trợ lãi vay:

a) Đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất dưới 12 tháng: thời hạn hỗ trợ lãi vay không quá 12 tháng trên một phương án.

b) Đối với các loại cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất từ 12 tháng trở lên:



thời hạn hỗ trợ lãi vay theo chu kỳ sản xuất nhưng không vượt quá 36 tháng trên một phương án.

c) Đối với các đơn vị ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thời gian hỗ trợ từ 12 tháng trở lên, nhưng tối đa không quá 36 tháng trên một phương án.

d) Đối với sản xuất phát triển ngành nghề nông thôn: thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng trên một phương án.

### **Chương III**

## **QUY TRÌNH VÀ THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT**

### **Điều 7. Tổ chức và thẩm quyền xét duyệt**

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ lãi vay về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị cấp thành phố; Ủy ban nhân dân huyện, quận có sản xuất nông nghiệp quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ lãi vay về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị cấp quận, huyện.

a) Thành phần Hội đồng thẩm định cấp thành phố, gồm đại diện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Kho bạc Nhà nước thành phố và các đơn vị có liên quan được mời họp thẩm định tùy vào tính chất của từng phương án cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Thành phần Hội đồng thẩm định quận, huyện, gồm đại diện: Ủy ban nhân dân quận, huyện; Phòng Kinh tế; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Trạm Khuyến nông tại các quận, huyện và các đơn vị có liên quan được mời họp thẩm định tùy vào tính chất của từng phương án cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định các cấp: tổ chức họp Hội đồng thẩm định các phương án thuộc đối tượng hỗ trợ lãi vay đã được các tổ chức cho vay đồng ý cấp tín dụng; trình các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; tổ chức kiểm tra thực hiện quy định.

### **2. Thẩm quyền xét duyệt:**

Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định đối với các phương án có vốn vay đề nghị hỗ trợ lãi vay từ 5 tỷ đồng trở lên hoặc đầu tư sản xuất giống, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được cấp giấy chứng nhận.

Hội đồng thẩm định quận, huyện thẩm định đối với các phương án có vốn vay đề nghị hỗ trợ lãi vay dưới 5 tỷ đồng.

### **Điều 8. Quy trình và thời gian phê duyệt phương án được hỗ trợ lãi vay**

**1. Đối với các phương án do Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt:**

Bước 1: Tại các tổ chức cho vay, thực hiện theo quy định của tổ chức cho vay.

Bước 2: Tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 bản photo phương án hoặc giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất có xác nhận đồng ý cấp tín dụng của tổ chức cho vay (kèm bản chính để đối chiếu).

- Đơn đăng ký hỗ trợ lãi vay (theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm).

b) Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian 3 ngày làm việc (huyện Cần Giờ 5 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải hoàn thành việc xác nhận địa điểm đầu tư và chuyển toàn bộ hồ sơ lên cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định quận, huyện.

Bước 3: Tại Hội đồng thẩm định quận, huyện: trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ từ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải tổ chức thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét phê duyệt.

Bước 4: Tại Ủy ban nhân dân quận, huyện: trong thời gian 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị xem xét phê duyệt của Hội đồng thẩm định quận, huyện, Ủy ban nhân dân quận, huyện phải xem xét phê duyệt.

**2. Đối với các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:**

Bước 1: Tại các tổ chức cho vay, thực hiện theo quy định của tổ chức cho vay.

Bước 2: Tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 bản photo phương án hoặc giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất có xác nhận đồng ý cấp tín dụng của tổ chức cho vay (kèm bản chính để đối chiếu).

- Đơn đăng ký hỗ trợ lãi vay (theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm).

b) Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải hoàn thành việc xác nhận địa điểm đầu tư và chuyển toàn bộ hồ sơ lên Phòng Kinh tế quận, huyện.

Bước 3: Tại Phòng Kinh tế quận, huyện: trong thời gian 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ từ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải kiểm tra về địa điểm đầu tư, đối tượng sản xuất của phương án có phù hợp với quy hoạch của quận, huyện, đề tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân quận, huyện trình Hội đồng thẩm định thành phố xem xét thẩm định.

Bước 4: Tại Ủy ban nhân dân quận, huyện: trong thời gian 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ từ Phòng Kinh tế quận, huyện, Ủy ban nhân dân quận, huyện phải xem xét trình Hội đồng thẩm định thành phố.

Bước 5: Tại Hội đồng thẩm định thành phố: trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị xem xét phê duyệt phương án của Ủy ban nhân dân quận, huyện; Hội đồng thẩm định thành phố phải tổ chức thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt.

Bước 6: Tại Ủy ban nhân dân thành phố: trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xem xét, phê duyệt phương án được hỗ trợ lãi vay của Hội đồng thẩm định thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt.

### **3. Hộ nghèo nêu vay từ Quỹ xóa đói giảm nghèo:**

Thực hiện theo quy trình cho vay của nguồn Quỹ này. Đồng thời lập danh sách gửi về Ban Chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá của quận, huyện, giúp xây dựng phương án chung trình Hội đồng thẩm định quận, huyện thẩm định và Ủy ban nhân dân quận, huyện ra quyết định phê duyệt đối với các phương án đủ điều kiện vay.

### **Điều 9. Thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi vay**

#### **1. Đối với các phương án do Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt:**

a) Ngân sách quận, huyện chuyển phần kinh phí hỗ trợ lãi vay cho tổ chức cho vay định kỳ theo thỏa thuận giữa Ủy ban nhân dân quận, huyện và tổ chức cho vay.

b) Căn cứ theo phương thức hỗ trợ lãi vay được phê duyệt và thỏa thuận với tổ chức cho vay, Phòng Kinh tế của Ủy ban nhân dân quận, huyện lập danh sách các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ lãi vay theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân quận, huyện gửi tổ chức cho vay để lấy ý kiến xác nhận và phiếu tính lãi vay theo khế ước nhận nợ do các tổ chức cho vay tại thời điểm hỗ trợ lãi vay phát hành (bảng photocopy) và căn cứ trên tài khoản vay.

c) Trong thời gian ba ngày làm việc, kể từ khi nhận được danh sách có ý kiến xác nhận và phiếu tính lãi vay nêu trên, Phòng Kinh tế tiến hành thẩm định, tổng hợp

gửi hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi vay của các phương án cho Phòng Tài chính - Kế hoạch.

d) Căn cứ vào Quyết định phân khai chi tiết danh mục các dự án cấp bù lãi vay kích cầu từ nguồn ngân sách tập trung hàng năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch rút kinh phí về ngân sách quận, huyện để hỗ trợ lãi vay theo quy định. Thực hiện hạch toán kinh phí hỗ trợ này vào Tiêu mục 8101 và quyết toán nội dung chi đầu tư.

## 2. Đối với các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

a) Định kỳ, căn cứ vào phương án hỗ trợ lãi vay được phê duyệt, chủ đầu tư gửi hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi vay đến Kho bạc Nhà nước thành phố, gồm có:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản photocopy kèm theo bản chính để đối chiếu hợp đồng cho vay đã ký với các tổ chức cho vay (trường hợp thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi vay trong kỳ đầu tiên hoặc hợp đồng vay có điều chỉnh);

- Bảng kê chi phí và phiếu tính lãi vay kèm khế ước nhận nợ do các tổ chức cho vay tại thời điểm hỗ trợ lãi vay phát hành (bản photocopy) với các khoản vay thuộc hàng mục chi phí đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ lãi vay;

- Văn bản (hoặc giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư) có xác nhận của tổ chức cho vay: về thời gian hỗ trợ lãi vay, số dư nợ thực tế và tổng số tiền hỗ trợ lãi vay.

- Giấy rút vốn đầu tư theo mẫu số C3-01/N5 của Quyết định số 103/2008/QĐ-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ kế toán ngân sách Nhà nước và nghiệp vụ hoạt động Kho bạc Nhà nước.

b) Căn cứ trên hồ sơ của chủ đầu tư và quyết định phân khai nguồn vốn hỗ trợ lãi vay của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Kho bạc Nhà nước thành phố thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi vay cho chủ đầu tư theo quy định.

## Chương IV

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN

#### **Điều 10. Ủy ban nhân dân huyện, quận có sản xuất nông nghiệp**

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xác nhận đối tượng được vay vốn theo Quy định này.

2. Chỉ đạo các phòng, ban chức năng phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký, tập huấn để thực hiện chủ trương của thành phố.

3. Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ lãi vay theo quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị (kể cả các hạng mục đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu hàng năm.

4. Căn cứ kế hoạch phân khai kinh phí hỗ trợ lãi vay hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận, huyện có kế hoạch dự toán rút kinh phí tại Kho bạc Nhà nước quận, huyện theo định kỳ để chuyển kinh phí hỗ trợ lãi vay cho tổ chức cho vay.

5. Gửi các quyết định phê duyệt các phương án được hỗ trợ lãi vay về bộ phận thường trực Chi Cục Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh để tổng hợp, báo cáo. Hàng quý, 6 tháng, năm các quận, huyện phải tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện triển khai quy định khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015.

6. Theo dõi tình hình sản xuất của các chủ đầu tư đã phê duyệt phương án; phối hợp với các tổ chức cho vay kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của các chủ đầu tư đúng mục đích. Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm tra các đối tượng sản xuất nông nghiệp phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp lâu dài trên địa bàn, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi danh mục được hưởng hỗ trợ lãi vay.

7. Việc chi phụ cấp bồi dưỡng kiêm nhiệm của Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc quận, huyện áp dụng theo Công văn số 373/UBND-TM ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các thành viên, Ban chỉ đạo, Hội đồng và Tổ tư vấn giúp việc.

## **Điều 11. Nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành thành phố**

### **1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện, Sở, ban, ngành, đoàn thể phổ biến, tuyên truyền nội dung về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị cho các tổ chức và cá nhân. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm về tình hình thực hiện quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị.

b) Hàng năm có trách nhiệm xem xét, rà soát và đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy định về danh mục lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và địa bàn ưu tiên được hưởng hỗ trợ lãi vay.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn kiểm tra tình hình sử dụng nguồn vốn vay, tham mưu xử lý đối với các trường hợp sử dụng vốn vay không đúng mục đích đối với các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

d) Chuyển tiếp thông báo về lãi suất huy động theo Khoản 2 Điều 4 Quy định này đến Kho bạc Nhà nước thành phố, các quận, huyện hoặc đăng trên website của Chi Cục Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh: [www.ccptnt.com](http://www.ccptnt.com) để các đơn vị có liên quan tiện việc tra cứu.

đ) Xây dựng dự toán và sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc thành phố và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm. Mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các thành viên các Sở, ngành và tổ giúp việc của thành phố áp dụng theo Công văn số 373/UBND-TM ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức bồi dưỡng kiêm nhiệm, thù lao hội họp cho các thành viên, Ban chỉ đạo, Hội đồng và Tổ tư vấn giúp việc. Giao Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thực hiện.

## 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Căn cứ vào kế hoạch và tổng hợp kinh phí hỗ trợ lãi vay hàng năm cho chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị của Ủy ban nhân dân quận, huyện, các chủ đầu tư (đối với các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt) gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao kế hoạch chỉ tiêu cấp bù lãi vay hàng năm cho chương trình.

b) Cân đối và ra quyết định phân khai kinh phí hỗ trợ lãi vay cho các quận, huyện, các chủ đầu tư theo chỉ tiêu đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm để thực hiện chương trình.

c) Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện quy định tại các quận, huyện.

## 3. Giao Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn các phòng, ban quận, huyện về thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi vay theo quy định.

b) Thực hiện cấp mã số quan hệ ngân sách và mã số phương án cho các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện quy định tại các quận, huyện.

#### **4. Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.**

a) Phối hợp triển khai quy định này đến với các tổ chức cho vay trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Hàng tháng, có trách nhiệm gửi thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về mức lãi suất huy động tiền gửi bằng tiền đồng Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

#### **5. Giao Kho bạc Nhà nước thành phố:**

a) Hướng dẫn và thực hiện việc chuyển trả phần kinh phí hỗ trợ lãi vay cho các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm về tình hình chuyển hỗ trợ lãi vay thực hiện theo quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015.

### **Điều 12. Các tổ chức cho vay**

1. Chịu trách nhiệm về việc xét duyệt, quyết định cho vay và lập thủ tục cho vay trực tiếp đối với các chủ đầu tư vay vốn được hỗ trợ lãi vay theo Quy định này.

2. Thực hiện giải ngân vốn vay cho các chủ đầu tư vay vốn theo tiến độ thực hiện của phương án được duyệt hỗ trợ lãi vay.

### **Điều 13. Các chủ đầu tư**

1. Hoàn trả vốn gốc và lãi vay theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng cho vay. Ngân sách thành phố không thanh toán phần kinh phí lãi vay phát sinh do chủ đầu tư không hoàn trả vốn gốc và lãi vay đúng thời hạn quy định trong phương án được duyệt; không thực hiện hỗ trợ lãi vay đối với các phương án vay vốn trung và dài hạn trả vốn gốc và lãi vay dồn lại một lần khi đáo hạn.

2. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng cho vay. Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối

tượng hỗ trợ lãi suất, thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả số tiền lãi vay được hỗ trợ trước đó cho ngân sách.

3. Đối với các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt: sau khi có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, chủ đầu tư liên hệ Sở Tài chính để được cấp mã số quan hệ ngân sách và mã số phương án, định kỳ hàng tháng, báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân và sử dụng vốn vay, các đề xuất, kiến nghị (nếu có), gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 25 hàng tháng, riêng tháng cuối quý gửi trước ngày 15.

#### **Điều 14. Kiểm tra và xử lý vi phạm**

1. Giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân quận, huyện kiểm tra việc sử dụng vốn vay của các chủ đầu tư theo quy định khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015.

2. Định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện tại các quận, huyện và các chủ đầu tư được hỗ trợ lãi vay.

3. Xử lý các chủ đầu tư sử dụng vốn vay không đúng mục đích như sau: giao Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm ra quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ lãi vay đối với trường hợp do Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt phương án. Đề xuất Hội đồng thẩm định cấp thành phố xem xét xử lý theo quy định đối với các phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Trường hợp thực hiện phương án sản xuất kéo dài, không phải do thiên tai, dịch bệnh, ngân sách thành phố sẽ không xem xét để tiếp tục hỗ trợ lãi vay, chủ phương án vay vốn tự chịu trách nhiệm thanh toán phần lãi do nợ quá hạn.

5. Trường hợp phát sinh rủi ro trên diện rộng do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh), việc thực hiện xử lý rủi ro áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quy định cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

#### **Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các phương án phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực, mức hỗ trợ lãi vay được tính theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.



---

---

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Thời gian thực hiện: từ ngày có hiệu lực thi hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.
2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các Sở, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức hướng dẫn triển khai, kiểm tra thực hiện Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có sự không phù hợp với thực tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp thông qua Hội đồng thẩm định thành phố tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**Phụ lục 1****DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA BÀN, THỜI GIAN HỖ TRỢ LÃI VAY  
CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ GIAI ĐOẠN 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

---

**I. ĐỐI TƯỢNG CÂY CON VÀ ĐỊA BÀN****1. Lĩnh vực trồng trọt:**

a) Trồng rau màu: tại các vùng được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn và các vùng được các huyện, quận chuyển đổi trồng rau.

b) Nhóm hoa cây kiểng tại các huyện, quận vùng ven có sản xuất nông nghiệp.

c) Trồng cây ăn trái chuyên canh:

- Các xã dọc theo sông Sài Gòn thuộc huyện Củ Chi, Hóc Môn, Thủ Đức; dọc sông Đồng Nai thuộc quận 9, quận 12.

- Các xã huyện Bình Chánh.

- Các xã huyện Cần Giờ.

d) Trồng cỏ phục vụ chăn nuôi: huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh.

**2. Lĩnh vực chăn nuôi:**

a) Chăn nuôi bò sữa: huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh.

b) Chăn nuôi bò thịt: huyện Củ Chi, Bình Chánh, Cần Giờ.

c) Chăn nuôi heo: huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ, quận 9, quận 12.

d) Chăn nuôi gia cầm theo quy hoạch (Cần Giờ, Bình Chánh, Củ Chi).

đ) Chăn nuôi các loại: thỏ, trùn quế, dế, dê tại các huyện, quận vùng ven có sản xuất nông nghiệp.

**3. Lĩnh vực thủy sản:**

a) Nuôi thủy sản nước lợ, mặn: huyện Cần Giờ, Nhà Bè, Bình Chánh.

b) Nuôi cá nước ngọt: các huyện, quận có sản xuất nông nghiệp.

c) Nuôi nhuyễn thể (nghêu, sò, hào, vẹm, ốc hương) tại huyện Cần Giờ.

d) Nuôi thủy đặc sản (cua, lươn, ếch, ba ba, cá chình, cá dứa) tại các huyện, quận có sản xuất nông nghiệp.

đ) Cá cảnh: các huyện, quận ven có sản xuất nông nghiệp.

#### **4. Lĩnh vực lâm nghiệp:**

a) Ươm giống cây lâm nghiệp Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Cần Giờ.

b) Cá sấu, trăn, rắn, nhím, kỳ nhông ở vùng có điều kiện.

## **II. CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ**

### **1. Đầu tư xây dựng cơ bản:**

a) Trồng trọt: cải tạo đồng ruộng, nhà lưới, nhà kính

b) Chăn nuôi: xây mới, cải tạo chuồng trại; xây dựng hầm biogas

c) Thủy sản: đào ao, cải tạo ao.

d) Bảo quản và sơ chế biến sản phẩm nông nghiệp: nhà sơ chế, kho bảo quản.

đ) Xe tải, xe chuyên dùng.

e) Thủy lợi, điện phục vụ sản xuất trồng trọt, thủy sản, diêm nghiệp.

### **2. Mua máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp:**

Các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm ngư diêm nghiệp và ngành nghề nông thôn:

a) Trồng trọt: máy làm đất, hệ thống tưới, máy bón phân, máy phun thuốc, máy thu hoạch, máy gieo cấy.

b) Chăn nuôi: hệ thống cho ăn, vắt sữa, bảo quản sữa, xử lý chất thải, làm mát, máy xay, máy ép, máy nghiền, máy trộn thức ăn, máy bơm điện.

c) Thủy sản: hệ thống cho ăn tự động, máy sục khí, hệ thống xử lý nước, hệ thống cung cấp oxy.

d) Bảo quản, sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp: dây chuyền sơ chế, hệ thống làm lạnh, làm mát, bao đóng gói.

đ) Các loại máy móc thiết bị cơ khí phục vụ cho ngành nghề nông thôn.

### **3. Ký kết hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp:**

Các chủ đầu tư ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố và có phương án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu hoặc có phương án tổ chức sơ chế sản phẩm nông nghiệp phù hợp với mục tiêu và danh mục khuyến khích.

### **III. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

Trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

### **IV. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN** (hoặc thẩm định bởi các cơ quan có chức năng theo quy định):

1. Ứng dụng sinh học phân tử trong giám định bệnh hại cây trồng, công nghệ sản xuất và ứng dụng các bộ KIT chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng và vật nuôi.

2. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất nấm, sản xuất chế phẩm xử lý môi trường.

3. Ứng dụng công nghệ trong sản xuất giống: công nghệ nhân giống duy truyền có cải tiến, nuôi cấy mô tế bào thực vật, đột biến gen, các kỹ thuật sinh học phân tử.

4. Ứng dụng công nghệ trong canh tác cây trồng: kỹ thuật canh tác không dùng đất, hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động; nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động.

5. Ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản (điều chỉnh thành phần không khí: O<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>,... sử dụng enzym, màng thông minh,...) và chế biến nông sản.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong canh tác chăm sóc cây trồng như điều tiết nhiệt độ, ẩm độ, cường độ và thời gian chiếu sáng, tưới tiêu nước, sử dụng phân bón, phòng trừ sinh vật hại, thu hoạch nông sản,...

7. Ứng dụng công nghệ sản xuất vật liệu mới và ứng dụng sản xuất giá thể, khay ươm cây giống, màng phủ nông nghiệp, màng bao trái, chất bảo quản nông sản, sản xuất các vật liệu cho hệ thống nhà màng, hệ thống tưới,...

### **V. SẢN XUẤT GIỐNG THEO CHƯƠNG TRÌNH GIỐNG CÂY CON CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ**

1. Các chương trình, dự án nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất giống.

2. Công nghệ sản xuất giống cây, con đảm bảo chất lượng và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng đô thị.

3. Xây dựng, nhân rộng các mô hình khuyến nông trình diễn, chuyển giao kỹ thuật về công nghệ sản xuất và chế biến giống, tiếp cận công nghệ sản xuất giống, thay đổi tập quán sử dụng giống từ OP sang giống F1.

4. Tư vấn thiết kế, xây dựng thương hiệu, quảng bá thương hiệu, chứng nhận thương hiệu giống cây, con.

5. Mua giống ông bà, bố mẹ để phục vụ công tác sản xuất giống

## **VI. NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN TẠI ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN CỬ CHI, HÓC MÔN, BÌNH CHÁNH, NHÀ BÈ VÀ CẦN GIỜ**

Phát triển các ngành nghề sử dụng các sản phẩm, phụ phẩm từ nông nghiệp, nông thôn: làm muối, đan lát, nuôi và chế biến da cá sấu, làm bánh tráng, trồng nấm, sinh vật cảnh, làm chậu phục vụ sản xuất hoa cây kiểng, sơn mài, ngà sừng, mảnh trúc, hoa giả.

**VII. THỜI GIAN HỖ TRỢ LÃI VAY** (đầu tư mua giống, vật tư, thức ăn, nhiên liệu và trả công lao động):

1. Trồng rau màu (gia vị, ăn lá, quả, củ, rau mầm; bắp và cây rau màu khác theo quy hoạch) không quá 12 tháng.

2. Cây hoa kiểng:

- Hoa lan: không quá 36 tháng
- Hoa nền, kiểng lá: không quá 12 tháng
- Hoa mai, bonsai: không quá 36 tháng.

3. Cây ăn trái: không quá 36 tháng.

4. Trồng cỏ: không quá 12 tháng.

5. Chăn nuôi heo:

- Heo thịt: không quá 12 tháng
- Heo nái (để lại heo con nuôi thịt): không quá 36 tháng.

6. Chăn nuôi bò:

- Bò sữa, bò thịt: không quá 36 tháng
- Bò đực (bê con của bò sữa): không quá 24 tháng.

7. Nuôi trồng thủy sản: không quá 12 tháng.

8. Ươm giống cây lâm nghiệp: không quá 12 tháng.

9. Chăn nuôi cá sấu, trăn, rắn, nhím, kỳ nhông: không quá 36 tháng.

10. Ngành nghề nông thôn: không quá 12 tháng.

11. Ký kết hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp: không quá 36 tháng.

Căn cứ vào những quy định cụ thể về thời gian hỗ trợ lãi vay như trên và tình hình sản xuất thực tế của các chủ đầu tư, đối tượng cây trồng vật nuôi, ngành nghề nông thôn; Hội đồng thẩm định của từng cấp sẽ xem xét đề xuất thời gian hỗ trợ lãi vay cho phù hợp./.

**Phụ lục 2****MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ LÃI VAY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 201...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ LÃI VAY**

(Đầu tư nuôi/trồng, .....

**Kính gửi:**

- Ủy ban nhân dân quận/huyện:.....
- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn:.....

Họ tên (cá nhân hoặc đại diện tổ chức): .....sinh năm.....

Tên tổ chức: .....

Nghề nghiệp/Chức vụ: .....

Địa chỉ thường trú:.....

Địa chỉ đầu tư: .....

Số CMND số:.....do: CA.....cấp

Đối tượng:  Hộ nghèo  Tổ hợp tác  Hợp tác xã

Doanh nghiệp (công ty)  Khác (ghi rõ): .....

Sau khi xem xét Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ....tháng ....năm 201.. của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố.

Nay tôi làm đơn này (kèm phương án sản xuất đã được tổ chức cho vay đồng ý cho vay vốn) kính trình Ủy ban nhân dân các cấp xem xét giải quyết cho tôi được hỗ trợ lãi vay khi vay vốn để đầu tư chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi cam kết sử dụng số tiền vay đúng mục đích, hoàn trả vốn và lãi vay đúng thời hạn quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định.

**Người vay vốn**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Xác nhận địa điểm đầu tư trên địa bàn  
xã, phường, thị trấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2013/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về bãi bỏ văn bản**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 172/STP-KTrVB ngày 11 tháng 01 năm 2013 về rà soát và đề xuất xử lý văn bản và đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**



**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/CT-UBND

Quận 3, ngày 28 tháng 02 năm 2013

**CHỈ THỊ****Về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ  
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Quận năm 2013**

Năm 2013, năm thứ ba thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX, Đại hội Đảng bộ Quận 3 lần thứ X trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố đe dọa sự ổn định và tăng trưởng kinh tế, tài chính toàn cầu. Ở trong nước bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức chưa thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn. Tình hình sản xuất còn nhiều khó khăn, hiệu quả kinh doanh giảm sút; lạm phát, lãi suất tuy có giảm nhưng còn ở mức cao đã làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại; hạ tầng kỹ thuật đô thị được tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; tiến độ triển khai một số Chương trình đột phá và kế hoạch thực hiện còn chậm; tệ nạn xã hội, tội phạm hình sự còn diễn biến phức tạp.

Trên cơ sở quán triệt Chỉ thị số 29/2012/CT-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2013; căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Đảng bộ Quận khóa X ngày 11 tháng 01 năm 2013 và những kết quả đạt được về kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách Quận năm 2012. Để tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách năm 2013, Ủy ban nhân dân Quận yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân 14 phường thuộc Quận và Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Quận 3 tập trung thực hiện:

1. Tập trung xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2013, Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013, Nghị quyết số 22-NQ/QU ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Quận ủy Quận 3 tại Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Đảng bộ Quận 3 khóa X, Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2012 và chương trình phát triển kinh tế - xã hội Quận 3 năm 2013... nhằm nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ngay từ những tháng đầu năm 2013. Phấn đấu hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, đầu tư phát triển đô thị, an sinh xã hội, quốc phòng an ninh và vượt dự toán kế hoạch thu ngân sách năm 2013.

2. Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về giao thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân 14 phường chủ động xây dựng các giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện. Nội dung kế hoạch phải bao quát, bảo đảm chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, cạnh tranh, bảo vệ môi trường, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch phát triển văn hóa - xã hội, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; những giải pháp tổ chức thực hiện phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng; xác định rõ phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện; đồng thời phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hàng tháng, hàng quý phải sơ kết rút kinh nghiệm để kịp thời chỉ đạo khắc phục các mặt trì trệ, thiếu sót; đề xuất, kiến nghị giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

3. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11/NQ-CP và Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng; tăng cường quản lý ngoại hối và thị trường vàng, thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động kinh doanh

vàng, thu đổi ngoại tệ, rửa tiền, tín dụng đen... gây bất ổn thị trường tài chính tiền tệ trên địa bàn. Phối hợp giữa các đơn vị chức năng và Ủy ban nhân dân 14 phường trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát giá cả, thị trường; theo dõi biến động giá cả các hàng hóa thiết yếu và dự báo biến động giá cả trên địa bàn; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá, gian lận thương mại, đầu cơ, buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng...

4. Tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; tập trung đôn đốc, đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Quận đã được Thành phố phê duyệt tại Văn bản số 6338/UBND-CNN ngày 26 tháng 9 năm 2007 để đưa ra bán đấu giá theo quy định.

5. Kiểm soát chặt chẽ việc chi ngân sách nhà nước, nhất là đầu tư công; nâng cao chất lượng công tác lập dự toán ngân sách nhà nước. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; giảm tỷ trọng đầu tư công, tăng tỷ trọng đầu tư của khu vực ngoài nhà nước; tập trung vốn ngân sách cho các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2013. Thực hiện chủ trương tiết kiệm chi, tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, chi phí hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước...; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được duyệt, đúng thẩm quyền, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện cải cách tiền lương và an sinh xã hội.

6. Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng lập đề án quy hoạch, trình phê duyệt theo đúng kế hoạch đề ra. Khẩn trương rà soát, báo cáo các dự án đầu tư chậm triển khai, sử dụng sai mục đích, công bố công khai ngay từ đầu năm 2013. Tập trung thực hiện có hiệu quả 6 Chương trình đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX đề ra và các chương trình hành động thuộc 6 lĩnh vực thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quận khóa X nhiệm kỳ 2010 - 2015. Tổ chức đánh giá hai năm triển khai thực hiện; đề xuất Thành phố cho thực hiện các cơ chế chính sách mới, tạo động lực thúc đẩy quá trình thực hiện các chương trình đột phá; tập trung triển khai thực hiện các đề án, công trình đã được xác định thực hiện trong năm 2013, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện các chương trình trong những năm tới.

7. Tiếp tục đầu tư phát triển y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa, khoa học và công nghệ; thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy ở các cấp học, ngành học. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của xã hội đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục đào tạo. Củng cố và mở rộng mạng lưới trường lớp, đáp ứng nhu

cầu học tập của nhân dân. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nhằm chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân; phát triển hệ thống y tế dự phòng để chủ động phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm. Tăng cường giáo dục ý thức vệ sinh trong cộng đồng, quản lý thuốc chữa bệnh, quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng các mô hình cung cấp thực phẩm an toàn. Tăng cường quản lý lễ, hội, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao bảo đảm tiết kiệm, an ninh trật tự, hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách để tổ chức lễ, hội.

**8.** Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo, tăng hộ khá tạo việc làm. Đẩy mạnh phong trào Đền ơn đáp nghĩa, tích cực chăm lo cho diện chính sách, các đối tượng xã hội, người già, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm hộ nghèo, tăng hộ khá theo hướng phát huy nội lực, kết hợp sự trợ giúp của cộng đồng, nhằm tăng khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở,...).

**9.** Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển Quận. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai, minh bạch trong hoạt động chuyên môn của các phòng, ban, ngành thuộc Quận và 14 phường. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, khẩn trương giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng kéo dài; tăng cường chế độ tiếp công dân, chủ động giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc, kiến nghị của công dân, doanh nghiệp. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân người đứng đầu trong thực thi công vụ.

**10.** Tiếp tục tập trung thực hiện cuộc vận động giao nộp vũ khí, hung khí, vật liệu nổ trái pháp luật; vận động nhân dân, các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt Luật Phòng cháy và chữa cháy; tăng cường công tác kiểm tra của các đơn vị chức năng thuộc Quận và Ủy ban nhân dân phường để giúp hướng dẫn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm phòng cháy, chữa cháy, không để xảy ra tình trạng đáng tiếc.

**11.** Tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ về an ninh - quốc phòng, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Quận; kiên quyết đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, đặc biệt là các loại tội phạm về cướp giết, sử dụng ma túy, chất kích thích; tiếp tục phấn đấu kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 mặt (số vụ, số người chết, số người bị thương). Nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc, giữ gìn trật tự xã hội tại địa bàn dân cư.

**12.** Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh, kinh tế, đối ngoại. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2013 ở cả 2 cấp với chất lượng ngày càng cao. Nâng cao ý thức, tinh thần chấp hành pháp luật, kỷ cương, bảo vệ pháp luật trong công tác, trong hệ thống cơ quan công quyền.

**13.** Về tổ chức thực hiện:

13.1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận cụ thể hóa Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Quận năm 2013 thành Chương trình công tác hàng tháng, quý của Ủy ban nhân dân Quận; thường xuyên theo dõi, đôn đốc quá trình chuẩn bị nội dung; sắp xếp, bố trí để Ủy ban nhân dân Quận xem xét, thông qua các chương trình và ban hành các kế hoạch thực hiện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Quận. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Quận ủy Quận 3, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 3 xây dựng và thực hiện các chương trình công tác, các kế hoạch hoạt động của hệ thống chính trị Quận 3 đồng bộ, hiệu quả.

13.2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường và Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Quận 3 chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; định kỳ hàng tháng, hàng quý, Ủy ban nhân dân Quận tổ chức làm việc với các đơn vị để nghe báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội và ngân sách Quận năm 2013, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

13.3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường và Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Quận 3 phát huy tinh thần năng động sáng tạo, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ chung và chuyên môn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội của Quận.

Ủy ban nhân dân Quận 3 yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân 14 phường và Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Quận 3 thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Quận năm 2013./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Diệu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2013/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 14 tháng 3 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH****V/v bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn TPHCM;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ 09 văn bản đã hết hiệu lực pháp luật gồm:

- Đề án số 140/ĐA-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về định hướng quy hoạch một số ngành nghề thương mại dịch vụ giai đoạn 2006 - 2010,

- Đề án số 69/ĐA-UBND-KT ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về điều chỉnh một số ngành nghề thương mại dịch vụ trên địa bàn Quận 9 giai đoạn 2009 - 2010,

- Chỉ thị số 05/2011/CT-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, công tác tuyển sinh quân sự và công tác đăng ký, quản lý huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2012,

- Chỉ thị số 04/2012/CT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về tổ chức đón tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013,

- Quyết định số 99/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Quận 9 đến năm 2010,

- Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 trên địa bàn Quận 9,

- Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2012,

- Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc bãi bỏ các văn bản QPPL đã hết hiệu lực năm 2011,

- Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động phòng chống tham nhũng năm 2012,

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 2.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Ủy ban nhân dân 13 phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Việt**



**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/QĐ-UBND

*Tân Phú, ngày 28 tháng 02 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về phân công thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú quản lý****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tại Công văn số 2270/TCKH ngày 21 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp quận tại Công văn số 946/TP ngày 10 tháng 12 năm 2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân công thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú quản lý.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận ban hành Quy định về quản lý và phân công thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn quận Tân Phú.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình, Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, Giám đốc Kho bạc nhà nước Tân Phú, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Tấn Lực**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN TÂN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về phân công thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa  
do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú quản lý**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND*

*ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định việc phân công nhiệm vụ các ban, ngành của quận Tân Phú, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình từ các nguồn vốn do Ủy ban nhân dân quận quản lý, được phân cấp quản lý hoặc được ủy quyền quản lý; các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình do Ủy ban nhân dân các phường, trường học, ban, ngành thuộc quận quản lý.

2. Đối với các dự án chủ đầu tư không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước; dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn trong đó ngân sách Nhà nước chiếm dưới 30% tổng vốn đầu tư; dự án mua sắm hàng hóa mang tính chất đầu tư hoặc mua sắm thường xuyên thì Ủy ban nhân dân quận có văn bản quy định phân công cụ thể không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình.

#### **Điều 3. Trình tự thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng sửa chữa**

1. Lập và phân bổ kế hoạch vốn, lựa chọn chủ đầu tư, thỏa hiệp quy mô đầu tư.
2. Lập, thẩm định và phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật.
3. Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật.

4. Thu hồi và giao đất (nếu có).
5. Giấy phép xây dựng.
6. Đấu thầu, chỉ định thầu.
7. Các loại hợp đồng tư vấn và thi công xây dựng.
8. Công tác nghiệm thu.
9. Điều chỉnh, ngừng, đình chỉ dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật).
10. Tạm ứng và thanh quyết toán vốn đầu tư dự án, công trình hoàn thành
11. Các công việc liên quan gồm: giám sát đánh giá đầu tư, bảo hiểm, chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình, công khai tài chính, quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, các công tác tư vấn có liên quan...

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được phân công thực hiện các công đoạn nêu trên phải thực hiện theo quy định của pháp luật và tuân thủ quy trình thủ tục hành chính đã được công bố. Các đơn vị trực thuộc quận không được phép làm sai lệch so với hướng dẫn của các cấp thẩm quyền, không áp đặt thêm các thủ tục hành chính hoặc kéo dài thêm thời gian ngoài quy định.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Phòng Tài chính - Kế hoạch**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận chọn đơn vị để giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án trước khi quyết định đầu tư.
2. Chủ trì phối hợp với các ban, ngành chức năng, các đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân 11 phường tổng hợp danh mục dự án chuẩn bị đầu tư hoặc sẽ thực hiện trong năm kế hoạch, tham mưu Ủy ban nhân dân quận xem xét thông qua. Danh mục dự án được phân theo các loại nguồn vốn. Soạn thảo quyết định kế hoạch đầu tư phần vốn thuộc quận quản lý trình Ủy ban nhân dân quận ký ban hành theo từng đợt và soạn thảo tờ trình trình Ủy ban nhân dân quận đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố kế hoạch đầu tư phần vốn ngân sách Thành phố tập trung.
3. Là đơn vị thẩm định và tham mưu trình duyệt, trình điều chỉnh, ngừng, đình chỉ dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật.

4. Đối với dự án công trình cần tách riêng dự án bồi thường giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân quận giao Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư (nếu có), Ủy ban nhân dân phường có công trình và các ngành chức năng có liên quan tham mưu báo cáo đề xuất.

5. Đối với dự án có trang thiết bị thì phần chi phí trang thiết bị sẽ do Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định về giá. Phòng Tài chính - Kế hoạch có thể trình kết quả thẩm định giá trang thiết bị chung hoặc riêng với kết quả thẩm định dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật.

6. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý Nhà nước về công tác đấu thầu. Chịu trách nhiệm thẩm định kế hoạch đấu thầu trước khi trình Ủy ban nhân dân quận ký quyết định phê duyệt.

7. Tham mưu tổng hợp công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

8. Tham mưu và hướng dẫn thực hiện công tác quyết toán, kiểm toán vốn đầu tư dự án, công trình hoàn thành.

9. Tham mưu và hướng dẫn thực hiện các công trình nạo vét thoát nước; vớt rác kênh rạch, duy trì cây xanh; lệnh công tác; sửa chữa, cải tạo nhỏ nhà cửa, vật kiến trúc cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân 11 phường từ các nguồn kinh phí thuộc quận quản lý.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của Phòng Quản lý đô thị**

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước:

- a) Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- b) Về quy hoạch xây dựng đô thị;
- c) Về chất lượng công trình xây dựng;
- d) Về cấp phép xây dựng.

2. Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án có lập thiết kế cơ sở.

3. Hướng dẫn chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thực hiện các phần việc có liên quan đến công tác:

a) Thẩm định thiết kế cơ sở.

b) Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình sửa chữa nhỏ; cải tạo nhỏ; liên kết, đấu nối hạ tầng (đối với các chủ đầu tư không phải là Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận).

4. Phối hợp các cơ quan, đơn vị khảo sát, đề xuất, tham mưu các vấn đề liên quan đến dự án, công trình trong phạm vi chức năng.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường**

Tham mưu công tác thu hồi và giao đất đối với dự án có sử dụng đất để xây dựng mới.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của đơn vị được giao làm chủ đầu tư**

1. Căn cứ vào quyết định kế hoạch đầu tư do cấp thẩm quyền ban hành, chủ đầu tư tự phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí lập hồ sơ dự án.

2. Phối hợp với các ban, ngành liên quan thỏa hiệp quy mô đầu tư sau khi kế hoạch đầu tư được ký ban hành bằng cách tổ chức cuộc họp hoặc gửi văn bản yêu cầu.

3. Sau khi thỏa hiệp quy mô, nếu xét thấy cần thiết, chủ đầu tư gửi văn bản xin ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân quận về các vấn đề: quy mô đầu tư, phương án thiết kế... trước khi tiến hành thủ tục lập hồ sơ dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật.

4. Đối với dự án có thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng chủ đầu tư được phép phối hợp với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng để dự trù chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng đưa vào hồ sơ dự án trình thẩm định.

5. Tổ chức lập và trình duyệt dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật. Chịu trách nhiệm liên hệ trực tiếp để bổ sung hoặc giải trình hồ sơ dự án với các cơ quan thẩm quyền.

6. Tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư; chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng**

1. Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư dự án bồi thường giải phóng mặt bằng.

2. Phối hợp với các chủ đầu tư khác thực hiện các phần việc có liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trong suốt các giai đoạn của quá trình đầu tư.

#### **Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị thụ hưởng**

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận về việc đề xuất nhu cầu dự án, công trình ghi kế hoạch, số vốn đề xuất giao và thực hiện hoàn thành chỉ tiêu vốn được giao trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

2. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến quá trình đầu tư, xây dựng theo chức năng của đơn vị.

**Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân khác có liên quan**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt mối quan hệ hợp tác và phối hợp, theo chức năng, nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoàn thành các công đoạn có liên quan của quy trình đầu tư, xây dựng. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc chưa nhất trí với ý kiến của các cơ quan khác thì cơ quan chủ trì phối hợp tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

**Chương III**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11.** Các cơ quan chuyên môn, ban, ngành quận, Ủy ban nhân dân 11 phường và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn thì các cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân quận xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Phan Tấn Lực**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1096/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2013*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý  
Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 11/2006/TT-BTM ngày 28 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thực hiện Nghị định số 72/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 132/SCT-TTTNN ngày 05 tháng 01 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này là Quy chế phối hợp trong công tác quản lý Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp trong công tác quản lý Văn phòng đại diện, Chi nhánh  
của thương nhân nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1096/QĐ-UBND  
ngày 06 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định trách nhiệm và sự phối hợp công tác giữa các Sở, Ban, Ngành thành phố trong công tác quản lý Nhà nước đối với các Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài được cấp phép thành lập và hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định 72/2006/NĐ-CP) và các Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại đặc thù được cấp phép và hoạt động theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài được cấp phép thành lập và hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại: là các Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài được cấp phép theo quy định tại Nghị định 72/2006/NĐ-CP.

2. Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong

lĩnh vực thương mại đặc thù: là các Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, quản lý quỹ, xuất bản, du lịch, dịch vụ pháp lý, văn hóa - giáo dục, khoa học - công nghệ hoặc các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Từ viết tắt được sử dụng trong Quy chế:

- “Văn phòng đại diện” là Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại và thương mại đặc thù.

- “Chi nhánh” là Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại và thương mại đặc thù.

- “Các cơ quan” là từ dùng chung cho Sở, Ban, Ngành của Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Hoạt động phối hợp giữa các cơ quan sẽ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng cơ quan theo quy định của pháp luật, đảm bảo quản lý thống nhất trên địa bàn, và tạo điều kiện cho các Văn phòng đại diện, Chi nhánh trên địa bàn thành phố hoạt động thuận lợi, đúng quy định.

2. Việc cung cấp, trao đổi thông tin về Văn phòng đại diện, Chi nhánh giữa các cơ quan phải bảo đảm tính kịp thời, chính xác và thực hiện chế độ bảo mật theo đúng quy định.

3. Việc thanh tra định kỳ Văn phòng đại diện, Chi nhánh do các cơ quan thực hiện theo quy định và các cơ quan thông báo Sở Công Thương về chương trình kế hoạch thanh tra, kiểm tra trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để tránh tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo.

Trường hợp vụ việc xử lý vượt quá thẩm quyền hoặc yêu cầu phối hợp liên ngành, phải có Công văn đề xuất, kiến nghị hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan đầu mối là Sở Công Thương báo cáo, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 4. Phương thức phối hợp**

1. Các cơ quan có trách nhiệm thường xuyên, kịp thời trao đổi thông tin, báo cáo định kỳ và phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của đơn vị mình.

2. Hoạt động phối hợp phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất, đồng thuận và căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

3. Trước ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp, các cơ quan gửi văn bản thông báo cho Sở Công Thương về các công việc đã triển khai và các công tác phối hợp liên quan đến Văn phòng đại diện, Chi nhánh. Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Trường hợp công việc phối hợp có vướng mắc, các cơ quan liên quan có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Công Thương để tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 5. Hình thức trao đổi thông tin**

1. Trực tiếp gặp gỡ để thông báo, trao đổi thông tin thông qua giao ban định kỳ hàng quý hoặc đột xuất.

2. Trao đổi thông qua văn bản.

3. Thông qua các phương tiện thông tin điện tử.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI**

### **Điều 6. Trách nhiệm của Sở Công Thương**

Là cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các Văn phòng đại diện, Chi nhánh trên địa bàn thành phố và chủ trì tổ chức thực hiện việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan theo trách nhiệm đã được phân công, quy định tại Quy chế này. Sở Công Thương có nhiệm vụ:

1. Cấp, cấp lại, sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp) theo quy định của Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thông báo cho các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện về tình hình cấp mới, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi giấy phép và vi phạm hành chính của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh;

3. Giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động, chấm dứt hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh thương mại đặc thù thuộc thẩm quyền

của Ủy ban nhân dân thành phố (trừ các văn phòng đại diện đặc thù đã được quy định cụ thể thẩm quyền của cơ quan khác);

4. Tổ chức và phối hợp với các cơ quan Trung ương và cơ quan khác liên quan, thanh tra, kiểm tra hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Thường xuyên cập nhật và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương thông tin (cả thông tin về vi phạm hành chính) của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh đang hoạt động để phục vụ cho công tác xúc tiến thương mại, hợp tác quốc tế và phối hợp của các cơ quan trong việc quản lý, giám sát.

6. Phối hợp với Cục Thuế thành phố hướng dẫn kê khai và quyết toán thuế thu nhập cá nhân của các cá nhân làm việc tại các Văn phòng đại diện, Chi nhánh trên địa bàn thành phố trên cơ sở hợp đồng ủy nhiệm thu hàng năm.

7. Hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ công tác tổ chức kiểm tra hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh cho các quận, huyện trên địa bàn thành phố; tập huấn các quy định của pháp luật cho các Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

8. Định kỳ 3 tháng một lần, chủ trì tổ chức họp giao ban các cơ quan để đánh giá, kiểm điểm tình hình cấp phép và quản lý Văn phòng đại diện, Chi nhánh trên địa bàn thành phố; tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh trên địa bàn thành phố.

9. Phối hợp các cơ quan đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách liên quan Văn phòng đại diện, Chi nhánh và xử lý các vi phạm vượt thẩm quyền của các cơ quan.

10. Tổ chức thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành trong phạm vi thẩm quyền theo quy định; lập kế hoạch các công việc cần có sự phối hợp của các cơ quan và gửi văn bản cho các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

11. Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí liên quan đến công tác tổ chức thu, thẩm định việc thành lập Văn phòng đại diện gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các cơ quan có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh như sau:

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về lao động đối với các Văn phòng đại diện, Chi nhánh; hướng dẫn, đôn đốc Văn phòng đại diện, Chi nhánh thực hiện các quy định của pháp luật về lao động.

- Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị xin cấp giấy phép lao động; thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động theo quy định. Thông tin tình hình cấp phép lao động, tình hình chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

- Chủ động tiến hành thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về lao động trong các Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng giải quyết nhanh các vấn đề về quyền lợi liên quan đến người lao động đối với các Văn phòng đại diện, Chi nhánh bị buộc đóng cửa, không được gia hạn, không chuyển đổi giấy phép hoạt động.

- Tổ chức tập huấn cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh các quy định của pháp luật về lao động.

### **2. Sở Tài chính**

- Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí cho công tác tổ chức thu, thẩm định việc thành lập Văn phòng đại diện trong dự toán hàng năm của Sở Công Thương.

- Phối hợp với các cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra các hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo đề nghị của Sở Công Thương đối với các trường hợp cần có sự quản lý chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán.

### **3. Cục Thuế thành phố**

- Hướng dẫn, tổ chức thu thuế và kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật đối với Văn phòng đại diện, Chi nhánh và các nhân viên Việt Nam, người nước ngoài làm việc tại các Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

- Thực hiện kiểm tra quyết toán thuế ngay khi có thông báo dự kiến đóng cửa, đảm bảo thu đủ thuế, kịp thời hạn cho việc giải thể, đóng cửa Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ các tài liệu hồ sơ khai thuế đối với các Văn phòng đại diện, Chi nhánh giải thể, đóng cửa, Cục Thuế

sẽ tiến hành kiểm tra việc quyết toán thuế theo quy định và thông báo kết quả cho các đơn vị liên quan.

- Phối hợp với các cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về thuế và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức tập huấn cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh các quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

#### **4. Bảo hiểm xã hội thành phố**

- Thực hiện công tác thu chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát và xác nhận nghĩa vụ thực hiện chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định.

#### **5. Công an thành phố**

- Tham gia thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng đại diện về các vấn đề có liên quan đến an ninh trật tự của tổ chức và cá nhân người đứng đầu Văn phòng đại diện theo đề nghị của Sở Công Thương.

- Làm thủ tục đăng ký con dấu, giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu và thu hồi con dấu, giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quản lý xuất nhập cảnh và cư trú, đăng ký tạm trú và xử lý các vi phạm liên quan đến lĩnh vực nhập cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc tại các Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan quản lý, hướng dẫn, đôn đốc các Văn phòng đại diện, Chi nhánh tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh tế, an ninh trật tự và an toàn xã hội; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm trong hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo thẩm quyền.

#### **6. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ động tổ chức hoặc phối hợp tổ chức thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư thành lập doanh nghiệp và dự án đầu tư cho thương nhân nước ngoài sau khi đã trao đổi thống nhất với Sở Công Thương về các vấn đề có liên quan đến Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

### **7. Cục Hải quan thành phố**

Giải quyết các thủ tục có liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa phi mậu dịch cần thiết phục vụ cho hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh và các cá nhân của người nước ngoài làm việc tại các Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định.

### **8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

- Quản lý hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thành phố.

- Quản lý hoạt động ngoại hối của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, kiểm tra việc mở tài khoản của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài trên địa bàn thành phố.

### **9. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố**

- Là cơ quan cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có trụ sở trong khu công nghiệp, khu chế xuất theo Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Thực hiện quản lý hành chính nhà nước đối với Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong phạm vi quyền hạn của Ban Quản lý theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc các Văn phòng đại diện, Chi nhánh tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định.

- Hàng quý, cung cấp cho Sở Công Thương thông tin về việc cấp mới, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh trong phạm vi quản lý của Ban Quản lý.

### **10. Ủy ban nhân dân các quận, huyện**

- Thông báo đến các cơ quan trong trường hợp thương nhân nước ngoài mở Văn



phòng đại diện, Chi nhánh trên địa bàn quản lý của quận, huyện mà chưa được cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

- Phối hợp với các cơ quan kiểm tra hoạt động và kiến nghị, đề xuất các biện pháp xử lý, ngăn chặn các hành vi vi phạm hành chính các Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoạt động trên địa bàn.

### **Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại đặc thù**

- Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm quản lý toàn diện hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài trong lĩnh vực thương mại đặc thù theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật.

- Định kỳ báo cáo về số lượng và tình hình hoạt động của các văn phòng đại diện, Chi nhánh thuộc quyền quản lý của mình để Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan khác**

Ngoài các cơ quan đã được phân công trách nhiệm cụ thể tại các điều nêu trên, các cơ quan khác theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị giải quyết các vấn đề. Trong quá trình giải quyết các vụ việc, các cơ quan phải đảm bảo sự phối hợp theo đúng các quy định tại Quy chế này.

### **Điều 10. Chế độ báo cáo**

1. Các cơ quan gửi báo cáo tình hình hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh cho Sở Công Thương theo định kỳ 6 tháng (hạn nộp trước ngày 15 tháng 7) và 01 năm (trước ngày 15 tháng 01 của năm sau).

2. Sở Công Thương chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình hoạt động của các Văn phòng đại diện, Chi nhánh định kỳ 06 tháng (trước ngày 30 tháng 7) và năm (trước ngày 28 tháng 02 của năm kế tiếp).

## **Chương III**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1145/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Kế hoạch tiếp tục triển khai Đề án 1928  
“Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật  
trong nhà trường” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  
từ năm 2013 đến năm 2016**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường”;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI);

Căn cứ Quyết định số 6408/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 224/TTr-GDDT-PC ngày 22 tháng 01 năm 2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tiếp tục triển khai Đề án 1928 “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2016.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Công an thành phố, Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Về tiếp tục triển khai Đề án 1928 “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường” trên địa bàn**

**Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-UBND*

*ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Thực hiện Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường” và Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI), Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Kế hoạch tiếp tục triển khai Đề án 1928 “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trong nhà trường” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật và hành vi chấp hành pháp luật của nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và người học, góp phần ổn định môi trường giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

#### **2. Yêu cầu**

- Triển khai sâu rộng, toàn diện các hình thức, biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong đó, chú trọng xây dựng kế hoạch chặt chẽ, có trọng tâm, trọng điểm, lựa chọn hình thức, giải pháp thích hợp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong toàn ngành một cách thường xuyên, kịp thời, đúng quy định:

- Thực hiện đúng chủ trương, đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và của ngành giáo dục và đào tạo; vừa phổ biến, cung cấp kiến thức pháp luật, vừa giáo dục. Vận động chấp hành pháp luật, tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật nhằm không ngừng nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, công chức, viên chức và học sinh của ngành. Kế thừa kết quả và kinh nghiệm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thời gian qua, bảo đảm sự liên tục và tính hệ thống của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong những năm qua; tổng kết thực tiễn để chọn lọc, nhân rộng những mô hình, cách thức có hiệu quả, loại bỏ những hình thức, biện pháp không còn phù hợp.

- Thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhiệm vụ trọng tâm của ngành; từng bước hoàn thiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đầu tư hợp lý các điều kiện phục vụ cho công tác này.

- Không ngừng đổi mới, sáng tạo để phong phú hình thức, biện pháp tuyên truyền, kết hợp hài hòa các hình thức, biện pháp nhằm áp dụng phù hợp và hiệu quả trong thực tiễn của ngành. Kết hợp giáo dục chính khóa với giáo dục ngoại khóa; tích hợp, lồng ghép nội dung pháp luật một cách hợp lý trong môn học Đạo đức, môn học Giáo dục công dân và một số môn học khác; đảm bảo sự liên thông về kiến thức giữa các cấp học và trình độ đào tạo. Kết hợp giáo dục thông qua các môn học với các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật với giáo dục Đạo đức và việc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua trong ngành; phối hợp các lực lượng làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong và ngoài ngành giáo dục và đào tạo.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

1. Quán triệt các văn bản chỉ đạo, các quy định về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Thông báo kết luận số 74-TB/TW ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Chỉ thị số 45/2007/CT-BGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành

giáo dục; Thông tri số 07-TT/TU ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về quán triệt và tổ chức thực hiện Kết luận số 04-KL/TW và Chỉ thị số 17/2012/CT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về quán triệt và thực hiện Thông tri số 07-TT/TU; Quyết định số 6408/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố theo từng năm học phù hợp với kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham mưu chế độ, chính sách phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

3. Củng cố, nâng cao chất lượng, bổ sung đội ngũ giáo viên, báo cáo viên; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn thành phố:

- Bổ sung đủ số lượng giáo viên, giảng viên dạy môn Pháp luật trong các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, giáo viên dạy môn Giáo dục công dân trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng đảm bảo người dạy đúng chuyên ngành Pháp luật, Giáo dục chính trị;

- Định kỳ tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật, phương pháp giảng dạy cho giáo viên, giảng viên Pháp luật; bồi dưỡng về kiến thức, phương pháp để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên môn Giáo dục công dân, cán bộ phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa qua đào tạo luật;

- Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi môn Giáo dục công dân, Pháp luật ở cơ sở giáo dục, cấp huyện, cấp Thành phố; thi người tuyên truyền giỏi ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Duy trì chế độ hỗ trợ đối với giáo viên môn Giáo dục công dân và đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, báo cáo viên pháp luật.

4. Đa dạng hóa các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin, trang bị máy tính và các phương tiện, thiết bị tối thiểu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

- Bổ sung các tài liệu tham khảo; tài liệu pháp luật theo chuyên đề, các đề cương

tuyên truyền pháp luật, sách hỏi - đáp pháp luật, sách pháp luật phổ thông, báo tạp chí chuyên ngành về luật, sách hệ thống hóa về pháp luật và các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật khác. Thực hiện 100% cơ sở giáo dục có máy tính và phần mềm khai thác văn bản quy phạm pháp luật; Tủ sách pháp luật được cập nhật văn bản mới nhằm đảm bảo quy định pháp luật được cập nhật thường xuyên, liên tục trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật. Niêm yết công khai bản tin phổ biến, giáo dục pháp luật, đảm bảo tất cả giáo viên, công nhân viên và học sinh, sinh viên của cơ sở giáo dục được tiếp cận thông tin pháp luật;

- Trang bị thiết bị cơ bản phục vụ giảng dạy môn học Pháp luật, Giáo dục công dân, phù hợp từng cấp học để sử dụng có hiệu quả, thống nhất trong toàn ngành. Chú trọng việc sử dụng các phương tiện điện tử, tin học, các mô hình trực quan trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

5. Xây dựng chương trình thống nhất và nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật ngoại khóa, các hoạt động giáo dục pháp luật ngoài giờ lên lớp nhằm kịp thời bổ sung kiến thức cho các bài học chính khóa trong đó tập trung vào các hình thức như: Báo cáo chuyên đề, lồng ghép nội dung phổ biến pháp luật vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành các tài liệu, tờ rơi, cập nhật các kiến thức pháp luật mới, tạo niềm tin, tình cảm pháp luật cho người học. Các hoạt động này cần đa dạng, sinh động, phù hợp cho từng đối tượng và được tổ chức thường xuyên, kết hợp trong việc kỷ niệm các ngày lịch sử, dịp lễ tết, các cuộc vận động lớn của thành phố và của ngành.

6. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật cho đội ngũ giáo viên, giảng viên và học sinh - sinh viên trên địa bàn thành phố; chú trọng tổ chức thi tìm hiểu pháp luật kết hợp với hoạt động chủ đề, chủ điểm của thành phố, của ngành. Tiếp tục triển khai thực hiện Ngày pháp luật tại cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện, các cơ sở giáo dục theo hướng đổi mới hình thức, thiết thực và hiệu quả.

7. Bố trí biên chế phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở các trường học, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện. Trước mắt, tiếp tục duy trì đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong trường học và thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo điều kiện để mọi người an tâm công tác.

8. Tổ chức chỉ đạo điểm về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với một số cơ sở giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo. Việc lựa chọn điểm cần phản ánh



được tính đa dạng các cấp học, trình độ đào tạo và đặc thù của các địa phương trên địa bàn thành phố.

**9.** Tổ chức giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ các tài liệu, thiết bị, tủ sách pháp luật; bồi dưỡng giáo viên, cán bộ, báo cáo viên cho một số cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục vùng khó khăn, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và thu hẹp khoảng cách giữa các địa phương trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố.

**10.** Thường xuyên kiểm tra, theo dõi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường trên địa bàn, kịp thời chấn chỉnh những đơn vị thực hiện chưa hiệu quả; động viên, khen thưởng những đơn vị làm tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

**11.** Tăng cường phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Tư pháp, Lực lượng vũ trang thành phố, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các sở - ngành liên quan và các cơ quan, tổ chức từ thành phố tới phường - xã, thị trấn để nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, huy động sự tham gia của các tổ chức kinh tế, các tổ chức và cá nhân khác vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

**12.** Tổ chức dạy và học kiến thức pháp luật phù hợp ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo:

- Đối với bậc mầm non: Đưa một số nội dung pháp luật đơn giản về giao thông, gia đình, môi trường, vệ sinh nơi công cộng, an toàn thực phẩm,... vào các trò chơi ở lứa tuổi mẫu giáo nhằm hình thành một số yếu tố tâm lý, ý thức ban đầu, chuẩn bị tâm thế cho trẻ em vào học lớp 1.

- Đối với bậc phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp: Nâng cao chất lượng dạy và học môn học Đạo đức, Giáo dục công dân, Pháp luật theo hướng cung cấp các kiến thức, rèn luyện các kỹ năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền và nghĩa vụ trong các lĩnh vực pháp luật gắn với cuộc sống và học tập của học sinh - sinh viên. Chú trọng các nội dung về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tham nhũng, Luật Biển Việt Nam, Luật Thanh niên,... Đặc biệt, chú trọng giáo dục nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, thói quen xử sự theo pháp luật của học sinh - sinh viên.

- Tổ chức dạy và học các kiến thức pháp luật cơ bản cho sinh viên, học sinh giáo dục thường xuyên. Bảo đảm cho học sinh - sinh viên ra trường nắm được lý luận cơ bản về pháp luật để có thể tự tìm hiểu các ngành luật cần thiết.

- Tổ chức bồi dưỡng các kiến thức pháp luật liên quan đến chương trình giáo dục cho giáo viên trong ngành Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố; bố trí cán bộ có trình độ pháp lý, có nhiệt tình và trách nhiệm phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục.

**13.** Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường trên địa bàn thành phố bảo đảm được thực hiện thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm góp phần nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh - sinh viên.

### **III. NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

#### **1. Nội dung phối hợp**

- Hướng dẫn, tuyên truyền các nội dung cơ bản của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện tốt Đề án 1928 “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường” trên địa bàn thành phố.

- Tham mưu chế độ, chính sách phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

#### **2. Trách nhiệm các sở - ban - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện**

##### **a) Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Chủ trì, chỉ đạo, tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo giảng dạy môn Pháp luật, môn Giáo dục công dân, cán bộ, báo cáo viên pháp luật ngành giáo dục và đào tạo;

- Tổ chức biên soạn tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng danh mục thiết bị cơ bản phục vụ giảng dạy kiến thức pháp luật trong nhà trường;

- Xây dựng Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường, trên Website của Sở và hướng dẫn sử dụng trong toàn ngành;

- Phối hợp các sở - ban - ngành liên quan, tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường;

##### **b) Sở Tư pháp:**

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện chương trình, tài liệu, bồi dưỡng giáo viên, báo cáo viên pháp luật phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường;

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức thi tìm hiểu pháp luật, phổ biến, tuyên truyền pháp luật. Hàng năm, Sở Tư pháp cung cấp tài liệu pháp luật cho Sở Giáo dục và Đào tạo để bổ sung cho tủ sách pháp luật hoặc thư viện pháp luật của các trường học trên địa bàn thành phố.

- Chi đạo Phòng Tư pháp quận - huyện phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

c) Sở Nội vụ:

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc rà soát lại đội ngũ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, phương pháp để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên môn Giáo dục công dân, cán bộ phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo bố trí biên chế chuyên viên, nhân viên phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

d) Sở Tài chính:

- Bố trí ngân sách hàng năm cho các sở - ban - ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường đối với các đối tượng, nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

e) Thanh tra thành phố:

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng trong nhà trường.

g) Công an thành phố:

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo phổ biến pháp luật trong nhà trường đối với các đối tượng, nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của Công an thành phố.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp và Thành đoàn xây dựng Kế hoạch và tổ chức các Hội thi tìm hiểu pháp luật về an toàn giao thông, phòng, chống tội phạm trong thanh thiếu niên trường học.

h) Bộ Tư lệnh thành phố:

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ báo cáo viên phổ biến, giáo dục pháp luật các nội dung có liên quan đến an ninh, quốc phòng.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân quận - huyện phổ biến, tuyên truyền pháp luật cho đội ngũ giáo viên và học sinh thuộc vùng xa của thành phố.

i) Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố và Thành đoàn: phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ giáo viên và học sinh, sinh viên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố.

k) Ủy ban nhân dân quận - huyện:

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nội dung chương trình, bổ sung, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ và thực hiện chính sách đối với giáo viên giáo dục pháp luật trong nhà trường theo quy định;

- Chỉ đạo các trường học, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trực thuộc mở rộng quy mô đào tạo bồi dưỡng giáo viên Pháp luật, Giáo dục công dân đáp ứng nhu cầu thực tế ở địa phương;

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp và các cơ quan, tổ chức ở địa phương phối hợp thực hiện các Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường;

- Bảo đảm kinh phí triển khai thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Sở Tài chính.

l) Nhiệm vụ của các trường sư phạm, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có trách nhiệm:

- Nâng cao năng lực, mở rộng quy mô đào tạo của Khoa, bộ môn đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Pháp luật, Giáo dục công dân đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập môn học này;

- Phối hợp tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy của giáo viên Pháp luật, Giáo dục công dân.

### **3. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí huy động, tài trợ khác. Việc lập dự toán chi tiết hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở nội dung Đề án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở - ban - ngành chức năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện tiếp tục triển khai thực hiện Đề án này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối tổng hợp và thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, năm; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm, đề xuất giải pháp, phương hướng hoạt động cho các năm tiếp theo./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1193/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội  
áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2003/TTr-LĐTBXH ngày 07 tháng 02 năm 2013; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 1530/TTr-KSTTHC ngày 06 tháng 3 năm 2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI  
BÃI BỎ ÁP DỤNG TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG - XÃ, THỊ TRẤN  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2013  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

<b>Số TT</b>	<b>Mã số hồ sơ TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
1	T-HCM-101348-TT	Thủ tục thẩm định đối tượng học nghề là con hộ nghèo, người tàn tật
2	T-HCM-101398-TT	Thủ tục xác nhận đơn đề nghị được miễn học phí và tiền cơ sở vật chất
3	T-HCM-101422-TT	Thủ tục xác nhận gia đình thuộc diện xóa đói giảm nghèo
4	T-HCM-101345-TT	Thủ tục gia hạn nợ xóa đói giảm nghèo
5	T-HCM-101361-TT	Thủ tục xác nhận hộ nghèo vay vốn

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng